

KẾT QUẢ SẢN XUẤT THỬ GIỐNG HOA THỰC DƯỢC TRỒNG CHẬU TDL-05

Bùi Thị Hồng¹, Ngô Hồng Bình¹,
Nguyễn Thị Thu Thùy¹ và CS

TÓM TẮT

Hoa thực dược (*Dahlia variabilis* Desh) có nguồn gốc từ Mê-xi-cô, hiện đang được trồng khá phổ biến ở Việt Nam, tuy nhiên chủ yếu là những giống để sử dụng với mục đích cắt cành, giống trồng chậu gần như chưa có. Trong những năm qua Viện Nghiên cứu Rau quả đã nghiên cứu tuyển chọn được giống hoa thực dược trồng chậu TDL-05. Giống thực dược TDL-05 có hoa màu vàng, 8-9 hoa/cây, thời gian sinh trưởng 85-90 ngày, chiều cao cây 30-33 cm, đường kính tán 29-32 cm, phù hợp với sinh thái ở các tỉnh phía Bắc, được người tiêu dùng và người sản xuất chấp nhận. Giống TDL-05 đã được đưa ra sản xuất thử tại các tỉnh/thành Hà Nội, Hưng Yên, Thái Nguyên trong các năm 2012-2013, kết quả cho thấy cây sinh trưởng, phát triển tốt, lợi nhuận đạt 13-20 triệu đồng/sào Bắc bộ /vụ. Hoa thực dược TDL-05 sinh trưởng phát triển tốt và đạt hiệu quả cao ở thời vụ trồng tháng 9, 10, giá thể phù hợp là 1/2 đất + 1/4 phân chuồng + 1/4 xỉ than hoặc trấu hun hoặc xơ dừa, tỷ lệ phân bón NPK là 20-20-10 thích hợp cho cây sinh trưởng, phát triển tốt.

Từ khóa: Hoa thực dược, hoa trồng chậu, sinh trưởng, phát triển.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoa thực dược (*Dahlia variabilis* Desh) có nguồn gốc từ Mê-xi-cô, hiện nay đang được trồng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới: Hoa Kỳ, Anh, Australia, Mexico, Tây Ban Nha, ... Hoa thực dược cũng được người dân Việt Nam ưa chuộng và trồng khá phổ biến ở một số vùng trồng hoa trên cả nước để phục vụ nhu cầu của thị trường vào các dịp lễ, tết và dùng làm dược liệu. Tuy nhiên, các giống thực dược được trồng ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là các giống cây cao, sử dụng với mục đích để cắt cành. Trong khi đó, ở Việt Nam hiện nay nhu cầu chơi hoa chậu đang có xu thế tăng nhanh. Để góp phần đa dạng hóa sản phẩm hoa chậu ở Việt Nam, vấn đề chọn tạo các giống hoa trồng chậu nói chung và hoa thực dược trồng chậu nói riêng là cần thiết, nhằm đa dạng hóa về sản phẩm và mẫu mã. Xuất phát từ thực tế trên, trong những năm qua Viện Nghiên cứu Rau quả đã nghiên cứu và tuyển chọn được giống hoa thực dược trồng chậu TDL-05. Giống hoa thực dược TDL-05 khi đưa ra sản xuất thử tại một số vùng sinh thái các tỉnh phía Bắc đã được người sản xuất và người tiêu dùng chấp nhận.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu:

Giống sản xuất thử là giống thực dược trồng chậu TDL-05 đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT

công nhận theo Quyết định số 246/QĐ-TT-CLT ngày 13/6/2012.

2.2. phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Sản xuất thử giống thực dược TDL-05: Bố trí trong vụ đông năm 2012 và 2013 tại Hà Nội, Hưng Yên, Thái Nguyên. Quy mô năm 2012: 3.000 chậu, năm 2013: 8.000 chậu. Trên mỗi ruộng sản xuất chọn 5 điểm chéo góc, theo dõi 10 chậu trên mỗi điểm.

Quy trình trồng và chăm sóc hoa thực dược ở các mô hình sản xuất theo quy trình tạm thời của Viện Nghiên cứu Rau quả.

2.2.2. Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc hoa thực dược TDL-05

Thí nghiệm 1: Nghiên cứu ảnh hưởng của thời vụ trồng: Công thức 1: thời vụ 15/8; công thức 2: thời vụ 15/9; công thức 3: thời vụ 15/10; công thức 4: thời vụ 15/11.

Thí nghiệm 2: Nghiên cứu ảnh hưởng của giá thể trồng; Công thức 1: đất phù sa (đối chứng); công thức 2: 1/2 đất phù sa + 1/4 phân chuồng + 1/4 xơ dừa; công thức 3: 1/2 đất phù sa + 1/4 phân chuồng + 1/4 xỉ than; công thức 4: 1/2 đất phù sa + 1/4 phân chuồng + 1/4 mùn cưa.

Thí nghiệm 3: Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ phân bón (qua gốc) (dùng phân Đầu Trâu); Công thức 1: tưới nước lã (đối chứng); công thức 2: tỷ lệ 22-20-15 +TE; công thức 3: tỷ lệ 20-20-15+Te; công thức 4: Tỷ lệ: 20-10-15+Te.

Thí nghiệm 4: Nghiên cứu hiệu lực của một số loại thuốc hóa học đối với nhện hại. Công thức 1: Phun nước lã (đối chứng); công thức 2: Pegasus 500EC; công thức 3: Ortus 5EC; công thức 4: Comite 73EC.

¹ Viện Nghiên cứu Rau quả

- Thí nghiệm 1 thực hiện năm 2012, các thí nghiệm 2, 3, 4 được bố trí ở thời vụ tháng 10/2012. Các thí nghiệm được bố trí tại Viện Nghiên cứu Rau quả theo khối ngẫu nhiên đầy đủ 3 lần nhắc, mỗi ô thí nghiệm là 5 m² (tương đương với 20 chậu), mỗi chậu 1 cây. Các yếu tố phi thí nghiệm áp dụng theo quy trình trồng tạm thời.

- Số liệu thí nghiệm được xử lý thống kê bằng chương trình IRRISTAT 5.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả sản xuất thử giống hoa thực được trồng chậu TDL-05

Bảng 1. Một số đặc điểm sinh trưởng, phát triển của giống hoa thực được trồng chậu TDL-05 tại một số địa phương

Năm	Địa điểm	Tỷ lệ sống (%)	Số lượng mầm (mầm)	Kích thước tán (cm)*		Thời gian sinh trưởng (ngày)
				CCC	DKT	
2012	Hung Yên	89,1	6,6	31,1	30,1	80,3
	Thái Nguyên	90,2	6,0	31,7	29,5	83,7
2013	Hung Yên	91,0	6,7	31,8	29,4	87,0
	Hà Nội	88,3	6,5	32,0	30,8	85,3
	Thái Nguyên	90,1	6,4	31,2	31,2	90,7

* CCC: chiều cao cây; DKT: đường kính tán

** Thời gian sinh trưởng được tính từ khi trồng đến ra hoa

- Về tỷ lệ sống và thời gian sinh trưởng của hoa thực được trồng chậu TDL - 05: mặc dù có sự biến động giữa các năm và các địa điểm do có sự biến động về thời tiết, tuy nhiên mức độ biến động này không cao. Tỷ lệ sống chênh lệch 3-5 % và đều đạt ở mức > 85%. Thời gian sinh trưởng dao động 80-90 ngày, trong đó ở Thái Nguyên thời gian sinh trưởng dài hơn ở Hưng Yên và Hà Nội 3-5 ngày, năm 2013 thời gian sinh trưởng dài hơn năm 2012 khoảng 7 ngày.

Giống hoa thực được trồng chậu TDL-05 được tuyển chọn từ tập đoàn giống thực được nhập nội năm 2009, đã được Bộ NN&PTNT công nhận là giống sản xuất thử năm 2012

Giống thực được TDL-05 có đặc điểm: hoa màu vàng, chiều cao cây 28-33 cm, đường kính tán 29-34 cm. Thời gian sinh trưởng 85-90 ngày, có 7-9 bông/chậu. Tỷ lệ chậu xuất vườn đạt 78-87%.

Trong các năm 2012-2013 giống hoa thực được TDL-05 được tiếp tục đưa ra sản xuất thử tại một số địa phương; kết quả đánh giá sinh trưởng, phát triển được trình bày ở bảng 1.

- Số lượng mầm trên cây là tiền đề tạo số lượng hoa sau này; tại các địa điểm, số lượng mầm dao động 6,1-6,7 mầm/chậu, trong đó tại Hưng Yên số mầm trong các năm đều đạt cao hơn so với các địa phương khác.

- Kích thước tán (đường kính và chiều cao) là yếu tố quyết định đến giá trị thẩm mỹ chậu hoa. Tại các nơi sản xuất, đường kính tán 30-35 cm và chiều cao tán 29-33 cm. Với kích thước trên, chậu hoa có mức độ cân đối về hình dáng cao.

Bảng 2. Một số yếu tố cấu thành năng suất, chất lượng chậu hoa của giống thực được trồng chậu TDL-05 tại một số địa phương

Năm	Địa điểm	Tỷ lệ chậu ra hoa (%)	Tỷ lệ chậu đạt tiêu chuẩn xuất vườn (%)	Số hoa/chậu (hoa)	Độ bền chậu hoa (ngày)	Mức độ nhiễm nhện đỏ
2012	Hung Yên	95,3	78,0	8,4	20,7	Cấp 1
	Thái Nguyên	93,6	87,2	8,1	20,3	Cấp 1
2013	Hung Yên	95,3	86,0	7,8	20,3	Cấp 2
	Hà Nội	95,1	82,1	7,2	20,7	Cấp 1
	Thái Nguyên	93,2	86,3	7,3	20,0	Cấp 1

- Tỷ lệ chậu ra hoa đạt tương đối cao ở tất cả các nơi trong các năm (93,2-95,3%). Tỷ lệ xuất vườn giữa các nơi và giữa các năm tuy có sự khác nhau, nhưng sự chênh lệch không lớn, dao động 78,0-87,2%.

- Các chỉ tiêu về số hoa/ cây và độ bền hoa chậu giữa các nơi và các năm đạt 7,2-8,4 hoa/ chậu và 20,0-20,7 ngày.

- Sâu bệnh hại chính trên cây thực được là nhện đỏ (*Tetranychus cinnabarinus*), theo dõi mức độ hại trên cây cho thấy: năm 2012 ở cả các địa phương đều bị hại mức nhẹ (cấp 1). Năm 2013, tại Hưng Yên bị hại ở mức trung bình (cấp 2), còn Hà

Nội và Thái Nguyên bị hại ở cấp 1.

Đánh giá về hiệu quả kinh tế của giống TDL-05 ở bảng 3 cho thấy:

Chi phí đầu tư trồng chậu hoa thực được ở các nơi là tương đương nhau, tuy nhiên do nhu cầu sử dụng và thị trường giữa các vùng và các năm khác nhau là khác nhau, nên giá bán có khác nhau. Ngoài ra do có tỷ lệ xuất vườn khác nhau, số lượng chậu khác nhau, nên tổng thu và lợi nhuận ở mỗi điểm là khác nhau. Nhưng nhìn chung hiệu quả kinh tế của giống TDL-05 tương đối cao, hiệu quả đầu tư (doanh thu/chi phí) đều đạt xấp xỉ 2 lần.

Bảng 3. So sánh hiệu quả kinh tế kinh tế của giống hoa thực được trồng chậu TDL-05 tại một số địa phương

Năm	Địa điểm	Số chậu trồng (chậu)	Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn xuất vườn (%)	Giá bán TB (1.000 đ/ chậu)	Tổng thu (1.000 đ)	Tổng chi (1.000 đ)	Lợi nhuận (1.000 đ)	Lợi nhuận quy ra / 360 m ² (1.000 đ)	Hiệu quả đầu tư (lần)
2012	Hưng Yên	2.500	81,6	22	44.800	21.250	23.630	13.611	1,9
	Thái Nguyên	500	87,2	20	8.720	4.250	4.470	12.874	2,0
2013	Hưng Yên	2.500	86,0	22	47.300	21.250	26.050	15.005	1,8
	Hà Nội	5.000	90,5	25	113.125	42.500	70.650	20.340	1,7
	Thái Nguyên	500	86,3	20	8.630	4.250	4.380	12.614	2,0

Tóm lại: kết sản xuất thử ở các địa phương cho thấy giống thực được trồng chậu TDL-05 có khả năng sinh trưởng, phát triển phù hợp với điều kiện trồng ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất. Vì vậy, có thể phát triển mở rộng sản xuất giống thực được trồng chậu cho các năm tiếp theo.

3.2. Kết quả nghiên cứu xây dựng quy trình trồng chăm sóc hoa thực được trồng chậu TDL-05

3.2.1. Ảnh hưởng của thời vụ trồng

Đối với cây hoa thực được, lựa chọn thời điểm trồng phù hợp sẽ thuận lợi cho sinh trưởng của cây, giảm tỷ lệ hao hụt và tăng hiệu quả sản xuất. Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng của giống thực được TDL-05 ở các thời vụ trồng cho thấy: Tỷ lệ sống của cây bị ảnh hưởng rõ ràng nhất, ở thời vụ tháng 10, 11 tỷ lệ sống đạt 90,7 - 91,2%, trong khi đó thời vụ tháng 8 chỉ đạt 78,3%, thời vụ tháng 9 đạt 86,4%.

Bảng 4. Ảnh hưởng của thời vụ trồng đến sinh trưởng, phát triển của hoa thực được

Chi tiêu / CTTN	Tỉ lệ sống (%)	Thời gian từ trồng đến ra hoa (ngày)	Số lượng mầm sau bấm ngọn (mầm/chậu)	Chiều cao cây (cm)	Đường kính tán (cm)	Tỷ lệ chậu xuất vườn (%)	Số hoa/ chậu (hoa)	ĐK hoa (cm)	Độ bền chậu hoa (ngày)
CT1	78,3	75	4,7	26,6	21,5	75,8	4,6	4,8	15

